

Bản án số: 256/2019/HS-PT
Ngày: 15- 10- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Trúc Phương.

Ông Lê Khắc Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 141/2019/TLPT-HS ngày 13 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo Quách Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

Quách Thị N, sinh năm 1976 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm X, phường T, thành phố M, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: Khóm T, thị trấn T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quách N1, sinh năm 1933 (sống) và bà Lại T3, sinh năm 1935 (sống); tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Từ ngày 13- 12- 2018 đến 22- 12- 2018 cho tại ngoại; bị truy nã theo Quyết định truy nã số 601 ngày 17- 9- 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp và bị bắt lại ngày 01- 10- 2019; bị tạm giữ từ ngày 01- 10- 2019 đến ngày 04- 10- 2019; tạm giam từ: 04- 10- 2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Ngoài ra vụ án còn có 10 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, khoảng 13 giờ 50 phút ngày 13- 12- 2018, Công an huyện L, tỉnh Đồng Tháp kiểm tra nhà bà Nguyễn T4 tại khóm L1, thị trấn T2, huyện L thì phát hiện và bắt quả tang Lê T5, Nguyễn Thị H, Nguyễn N2, Nguyễn Thị H1, Phạm C, Nguyễn Thị H2, Nguyễn H3, Quách Thị N, Phạm T6, Phạm T7, Nguyễn P đang có hành vi đánh bài cào 03 lá ăn thua bằng tiền. Tang vật thu giữ được trên chiếu bạc gồm: 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, số tiền 5.800.000 đồng, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ rút tiền Viettin Bank tên Quách Thị N, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro. Qua khám xét tạm giữ trên người các đối tượng tổng số tiền 68.110.000 đồng và 11 điện thoại di động các loại, cụ thể thu giữ trên người Quách Thị N 450.000 đồng; Nguyễn Thị H1 01 điện thoại di động Iphone 7 màu hồng, 25.410.000 đồng; Nguyễn Thị H3 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh, 850.000 đồng; Lê Thanh C1 01 điện thoại Mobistar màu đen, 480.000 đồng; Nguyễn P 01 điện thoại Samsung Galaxy Prime màu đen, 200.000 đồng; Nguyễn B 01 điện thoại Samsung J7 màu vàng đồng, 200.000 đồng; Nguyễn Thị T8 01 điện thoại Vivo 1610 màu vàng đồng, 16.100.000 đồng; Nguyễn Thị N2 01 điện thoại Oppo màu vàng đồng, 1.300.000 đồng; Phạm Thị T6 670.000 đồng; Nguyễn Thị H 22.100.000 đồng; Nguyễn Thị Thu H2 100.000 đồng, 01 điện thoại Nokia C1 màu đen- trắng- đỏ; Phạm Thanh T7 01 điện thoại Philips màu đen; Phạm Thanh C 01 điện thoại ITEL màu đen; Lê T5 01 điện thoại Nokia màu xám, 250.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định trưa ngày 13- 12- 2018 tại nhà của Võ L2 ở khóm L1, thị trấn T2, huyện L có tổ chức uống bia, trong đó có Quách Thị N và Nguyễn P tham gia. Sau khi uống bia được một lúc thì N rủ chơi đánh bài ăn thua bằng tiền, P đồng ý. Lúc này, N chuẩn bị 01 bộ bài tây 52 lá cùng P và một số người khác có mặt tại quán cà phê gần đó đi đến khu vực bếp của nhà bà Nguyễn T4 (bà ngoại của P) để đánh bài cào 03 lá. N làm cái cho những người khác tham gia đặt tụ, cụ thể như sau: N làm cái, các tụ con gồm: Nguyễn Thị H, Phạm C, Nguyễn P, Nguyễn N2, Nguyễn Thị H1, Phạm T7; ké tụ gồm Nguyễn H2, Nguyễn H3, Lê T5, Phạm T6. Mức đặt tiền của các tụ mỗi ván dao động từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Đến ván bài liền kề trước ván bị bắt quả tang, xác định được tụ bài của P đặt 2.000.000 đồng, trong đó P đặt 100.000 đồng, số tiền còn lại do những người khác ké. Tụ của H 2.000.000 đồng, H đặt 800.000 đồng, T6 ké H 100.000 đồng, những người khác ké 1.100.000 đồng. Tụ của C đặt 600.000 đồng, C đặt 200.000 đồng, H2 ké 100.000 đồng, những người còn lại ké 300.000 đồng. N2 đặt 100.000 đồng, T5 và H3 mỗi người ké vào tụ của N2 100.000 đồng. H1 và T7 mỗi người đặt 200.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các

bị cáo dùng để đánh bạc trong ván liền kề trước khi bị bắt là 5.300.000 đồng. Ván này tự cái bù, hòa với tụ H1 và N2, thua các tụ còn lại. Sau khi chung chi xong, chuẩn bị chia bài chơi ván mới thì bị bắt quả tang. Đồng thời cũng chứng minh được số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo cụ thể như sau:

- Quách Thị N dùng 2.500.000 đồng để đánh bạc, đến thời điểm bắt quả tang số tiền còn lại khoảng vài trăm ngàn đồng để dưới chân, không xác định được cụ thể.

- P dùng 500.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang còn 200.000 đồng, số tiền này P để trong người.

- H1 dùng 300.000 đồng để đánh bạc, khi Công an bắt quả tang H1 bỏ số tiền này trên chiếu bạc.

- H dùng 1.100.000 đồng để đánh bạc, thắng 200.000 đồng. Khi bị bắt quả tang có 200.000 đồng đặt tụ, 1.100.000 đồng để trong ống quần rút xuống chiếu bạc.

- N2 dùng 300.000 đồng để đánh bạc, N2 còn 100.000 đồng, khi bị bắt quả tang N cất giấu trong người.

- C để 3.400.000 đồng dưới chân để đánh bạc, do không đếm lại nên đến thời điểm bắt quả tang không xác định được cụ thể còn bao nhiêu tiền.

- T7 dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc, kết quả thắng 200.000 đồng. Khi bị bắt quả tang T7 có 200.000 đồng đặt tụ, 1.000.000 đồng để dưới chân.

- H3 dùng 800.000 đồng để ké bạc, H3 nhờ N2 đặt tiền dùm, 800.000 đồng H3 để trong người.

- H2 dùng 600.000 đồng để ké bạc, đến khi bị bắt quả tang thua còn 200.000 đồng, 100.000 đồng trên chiếu bạc, 100.000 đồng để trong người.

- T5 dùng 450.000 đồng để ké bạc, khi bị bắt quả tang có 350.000 đồng, 100.000 đồng trên chiếu bạc, 250.000 đồng để trong người.

- T6 dùng 300.000 đồng để ké bạc, khi bị bắt quả tang thua còn 350.000 đồng, 100.000 đồng trên chiếu bạc, 250.000 đồng để trong người.

Như vậy tổng số tiền những người đánh bạc dùng để đánh bạc là 11.250.000 đồng, nhưng trên thực tế Cơ quan Cảnh sát điều tra chỉ thu giữ được 7.500.000 đồng, gồm 5.800.000 đồng bắt quả tang trên chiếu bạc và số tiền dùng để đánh bạc trên người của T6 250.000 đồng, P 200.000 đồng, N2 100.000 đồng, H3 800.000 đồng, H2 100.000 đồng, T5 250.000 đồng. Số tiền chênh lệch là 3.750.000 đồng không thu giữ được là do khi đánh bạc ngoài các bị cáo trên ra còn có nhiều người lạ mặt tham gia nhưng họ đã thắng và nghỉ trước khi bị bắt nhưng không xác định được họ, tên, địa chỉ cụ thể nên tách số tiền 3.750.000 đồng ra xác minh làm rõ để thu hồi.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang, sau khi xác minh không liên quan đến hành vi đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trao trả:

- 01 Giấy phép lái xe, 01 thẻ rút tiền Ngân hàng Viettin tên Quách N, 01 điện thoại Samsung J7 Pro, 450.000 đồng cho Quách Thị N.

- 01 điện thoại Iphone 7 màu hồng, 25.410.000 đồng cho Nguyễn Thị H1.

- 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh, 50.000 đồng cho Nguyễn H3.

- 01 điện thoại Mobistar màu đen, 480.000 đồng cho Lê Thanh C1.

- 01 điện thoại Samsung Galaxy Prime màu đen cho Nguyễn Duy P.

- 01 điện thoại Samsung J7 màu vàng đồng, 200.000 đồng cho Nguyễn B.

- 01 điện thoại Vivo 1610 màu vàng đồng, 16.100.000 đồng cho Nguyễn Thị t8.

- 01 điện thoại Oppo màu vàng đồng, 1.200.000 đồng cho Nguyễn N2.

- 420.000 đồng cho Phạm Thị T6.

- 22.100.000 đồng cho Nguyễn Thị H.

- 01 điện thoại Nokia C1 màu đen- trắng- đỏ cho Nguyễn Thị H2.

- 01 điện thoại Philips màu đen cho Phạm Thanh T7.

- 01 điện thoại ITEL màu đen cho Phạm Thanh C.

- 01 điện thoại Nokia màu xám cho Lê T5.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 25- 4- 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Quách Thị N, Phạm Thanh C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Duy P, Nguyễn N2, Nguyễn Thị Ngọc H1, Phạm Thanh T7, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Thị H3, Lê T5, Phạm Thị T6 cùng phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Quách Thị N 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 13- 12- 2018 đến ngày 22- 12- 2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh C 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao án văn, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 13- 12- 2018 đến ngày 21- 12- 2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao án văn, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 13- 12- 2018 đến ngày 20- 12- 2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao án văn.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T5 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao án văn, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 13- 12- 2018 đến ngày 21- 12- 2018.

Giao các bị cáo Phạm Thanh C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Duy P và Lê T5 cho Ủy ban nhân thị trấn T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình của các bị cáo Phạm Thanh Chiêu, Nguyễn Thị H, Nguyễn Duy P và Lê T5 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn T2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N2 số tiền 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 số tiền 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T7 số tiền 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H số tiền 25.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H3 số tiền 25.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T6 số tiền 25.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Quách Thị N số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Phạt các bị cáo Phạm Thanh C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Duy P mỗi bị cáo 15.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, bị cáo Quách Thị N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Quách Thị N thừa nhận ngày 13- 12- 2018 bị cáo có đánh bài cào 03 lá ăn thua bằng tiền, bị cáo N làm cái, còn các bị cáo

Nguyễn Thị H, Phạm Thanh C, Nguyễn Duy P, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Ngọc H1, Phạm Thanh T cùng tham gia đặt tù; các bị cáo Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Thị H3, Lê T5, Phạm Thị T6 ké tù với tổng số tiền 11.250.000 đồng. Số tiền thu trên chiếu bạc là 5.800.000 đồng. Bị cáo N thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo xin được giảm hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu nhận định hành vi của bị cáo Quách Thị N bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Mức án Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo N là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, có xem xét đến nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ dành cho bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình được các căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Hơn nữa, sau khi bị cáo kháng cáo bị cáo lại bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã, do đó không thể áp dụng án treo cho bị cáo được, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo N.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo Quách Thị N xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội làm việc gửi tiền nuôi mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 25- 4- 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp kết án bị cáo Quách Thị N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét thấy ngày 13- 12- 2018, bị cáo Quách Thị N tham gia đánh bạc cùng với nhiều người khác bằng hình thức chơi bài cào 03 lá và giữ vai trò làm cái, hành vi đánh bạc của bị cáo N và những người khác đã gây mất an ninh trật tự tại địa phương, chứng tỏ các bị cáo coi thường pháp luật, vì vậy cần phải có mức án nghiêm minh để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích, phòng ngừa tội phạm và mang lại niềm tin cho Nhân dân vào sự tôn nghiêm của pháp luật nhà nước ta. Khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã xem xét đến nhân thân bị cáo N chưa có tiền án, tiền sự và đã xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N do bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xem xét bị cáo N đang phải lao động để phụng dưỡng mẹ già, hoàn cảnh khó khăn nên áp dụng giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Qua đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét

xử bị cáo mức án 09 tháng tù là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin được giảm hình phạt và hưởng án treo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử đối với bị cáo là đã phù hợp với nhân thân bị cáo, có xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào khác. Hơn nữa, sau khi kháng cáo và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo bỏ trốn khỏi nơi cư trú, ngày 17- 9- 2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đã ra Quyết định số 601 truy nã bị cáo, đến ngày 01- 10- 2019 bị cáo bị bắt lại, điều đó thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Từ đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ y án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét thấy phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Quách Thị N.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp về phân hình phạt đối với bị cáo Quách Thị N.

Tuyên bố bị cáo Quách Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Quách Thị N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo sau khi bắt truy nã (ngày 01- 10- 2019) được trừ đi thời gian tạm giữ ở giai đoạn khởi tố, điều tra từ ngày 13- 12- 2018 đến ngày 22- 12- 2018.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Quách Thị N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Quách Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện N;
- CQCSĐT Công an huyện N;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh